



bù liáng
不良

Adjective · bad

Example Sentences

zhè zhǒng bù liáng xíng wéi bù kě xiào yóu
这种不良行为不可效尤。

This bad behavior should not be imitated.

zhè zhǒng bù liáng xí guàn huì yǐng xiǎng nǐ de jiàn kāng
这种不良习惯会影响你的健康。

This bad habit will affect your health.

wǒ men bì xū è zhǐ zhè zhǒng bù liáng xíng wéi
我们必须遏止这种不良行为。

We must stop this bad behavior.

Trace each character, then write the word on your own.

不	不	不	不	不	不	不													
良	良	良	良	良	良	良	良	良	良										